

Ngành : **Bất động sản** (Báo cáo gần nhất: [Link](#))

Khuyến nghị	Khả Quan	CTPCP Nam Long (HSX: NLG) Điểm rơi lợi nhuận Q3/2021			
Giá hiện tại:	43,800	Ngày viết báo cáo:	05/08/2021	Cơ cấu cổ đông	
Giá mục tiêu trước đây	44,600	Cổ phiếu lưu hành (Triệu)	285.3	Nguyễn Xuân Quang	13.4%
Giá mục tiêu mới:	46,400	Vốn hóa (tỷ đồng)	12,495	IBEWORTH PTE LTD	9.9%
Tỷ suất cổ tức	4%	Thanh khoản bình quân 6 tháng:	4,449,040	CTCP Đầu Tư Thái Bình	6.1%
Tiềm năng tăng giá	5.9%	Sở hữu nước ngoài	47.95%	VIETFUND MANAGEMENT	4.7%

Chuyên viên phân tích ngành:

Phan Quốc Bửu
(Bất động sản, Bán lẻ)
buupq@bsc.com.vn

Chuyên viên phân tích kỹ thuật:

Nguyễn Tiến Đức
ducnt@bsc.com.vn

Giá khuyến nghị: 48,500 VND
Giá cắt lỗ: 41,000 VND

Bảng so sánh giá CP và VN- Index



Bảng so sánh P/E và VN index



	2021F	2022F	Peer	VN-Index		2019	2020	2021F	2022F
PE (x)	12.1	9.1	13.7	17.3	Doanh thu	2,546	2,217	5,306	6,255
PB (x)	1.9	1.6	1.7	2.4	Lợi nhuận gộp	1,066	671	1,798	1,844
PS (x)	4.5	5.5	3.6	2.0	Lợi nhuận sau thuế	960	835	1,088	1,453
ROE (%)	16.9%	18.4%	17.8%	13%	EPS	3,697	2,927	3,814	5,094
ROA (%)	7.4%	8.5%	5.5%	2.4%	Tăng trưởng EPS	16%	-21%	30%	34%
					Nợ ròng/ VCSH	17%	44%	40%	32%

Định giá

So với báo cáo khuyến nghị MUA gần nhất ngày 21/05/2021 ([Link](#)), giá cổ phiếu Nam Long đã ghi nhận mức tăng ấn tượng và tiệm cận mức giá mục tiêu của chúng tôi.

Chúng tôi đưa ra khuyến nghị **KHẢ QUAN** cổ phiếu NLG và nâng giá mục tiêu lên mức 46.400 đồng/cp (+5.9% so với mức giá đóng cửa ngày 04/07/2021 và cao hơn 4.0% so với giá mục tiêu cũ) dựa trên phương pháp RNAV.

Dự báo kết quả kinh doanh

- Dựa trên quan điểm thận trọng, BSC điều chỉnh giảm nhẹ dự báo kết quả kinh doanh của NLG năm 2021 do điều chỉnh việc hạch toán một phần lợi nhuận dự án Cần Thơ sang năm 2022. Theo đó, doanh thu và lợi nhuận ghi nhận mức giảm lần lượt -16% và -9.7% so với dự báo trước đó
- BSC dự báo doanh thu và lợi nhuận năm 2021 của NLG lần lượt ước đạt 5,409 tỷ đồng (+139.3% YoY) và lợi nhuận sau thuế công ty mẹ đạt 1,088 tỷ đồng (+30% YoY). EPS FW 2021 = 3,623 đồng. PE FW 2021 = 12.1 lần. .

Quan điểm đầu tư

- Tổng giá trị mở bán giai đoạn 2021-2022 dự kiến ghi nhận mức kỷ lục 22,150 tỷ đồng, sẽ là đòn bẩy cho NLG đột phá trong tương lai.
- Sở hữu quỹ đất sạch có quy mô lớn 681 ha, đảm bảo nguồn tăng trưởng lợi nhuận giai đoạn 2021-2025.

Rủi ro

- Kế hoạch mở bán các dự án bị chậm lại do vấn đề pháp lý và dịch Covid-19
- Rủi ro chung ngành bất động sản (lãi suất cho vay, tính chu kỳ ngành)

Cập nhật doanh nghiệp

- Lũy kế 6T2021, doanh thu và lợi nhuận sau thuế của NLG lần lượt đạt 636.5 tỷ đồng (-3% YoY) và 412.3 tỷ đồng (+131%)
- Tổng giá trị mở bán mới (Pre-sales) 6 tháng đầu năm 2021 khả quan, đạt 4,491 tỷ đồng với hơn 1,070 sản phẩm được mở bán.
- Kế hoạch phát hành riêng lẻ sẽ sớm hoàn tất trong nửa cuối năm 2021

BÁO CÁO CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

KQKD nửa đầu năm 2021 tăng trưởng nhờ đánh giá lại dự án.

Đánh giá lại dự án hỗ trợ tăng trưởng lợi nhuận sau thuế Q1/2021. Trong 6 tháng đầu năm, hoạt động xây dựng là hoạt động đóng góp tỷ trọng chính trong cơ cấu doanh thu NLG. Lũy kế 6T2021, doanh thu và lợi nhuận sau thuế của NLG lần lượt đạt 636.5 tỷ đồng (-3% YoY) và 412.3 tỷ đồng (+131%). Như đề cập trong báo cáo cập nhật KQKD Q1/2021, lợi nhuận tài chính từ việc đánh giá lại dự án Izumi City là động lực đóng góp chính vào tăng trưởng lợi nhuận 6T2021 so với 6T2020.

Điểm rơi lợi nhuận Q3/2021 nhờ bàn giao hai dự án Akara City (Giai đoạn 1). Trong nửa cuối năm 2021, NLG dự kiến sẽ hoàn tất bàn giao các sản phẩm còn lại của Flora Novia và giai đoạn 1 của dự án Akara City.

	6T2021	6T2020	% YoY	Ghi chú
Doanh thu	637	658	-3%	Trong 6T/2021, NLG chỉ ghi nhận bàn giao 28 sản phẩm, chủ yếu là các sản phẩm còn lại của các dự án cũ.
Bán đất, căn hộ, nhà phố, biệt thự	66	174	-62%	
Mảng xây dựng	478	426	12%	
Cung cấp dịch vụ	13	7	70%	
Chuyển nhượng dự án	80	50	58%	
Lợi nhuận gộp	156	295	-47%	Lợi nhuận đến từ công ty liên kết JV ghi nhận từ việc bàn giao 309 căn biệt thự/ nhà phố vườn dự án Southgate.
<u><i>Biên lợi nhuận gộp</i></u>	<u>25%</u>	<u>45%</u>		
Chi phí bán hàng & QLDN	257	174	48%	
<u><i>SG&A/DTT</i></u>	<u>40%</u>	<u>26%</u>		Chi phí quản lý tăng mạnh do quy mô bộ máy nhân sự tăng, chi phí ERP và chi phí tư vấn liên quan khác.
EBIT	-101	121	-183%	
Doanh thu tài chính	17	62	-73%	
Chi phí tài chính	42	62	-32%	
Lãi/Lỗ từ công ty liên kết	95	43	122%	
LN trước thuế	396	221	80%	
Thuế TNDN	(18)	15		
Lợi nhuận sau thuế	414	185	124%	
Lợi ích cổ đông thiểu số	2	6		
Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	412	179	131%	
EPS cơ bản (đồng)	1,445	627		
Biên LNG	25%	45%		
Biên LN ròng	65%	27%		

KQKD nửa đầu năm 2021 tăng trưởng nhờ đánh giá lại dự án.

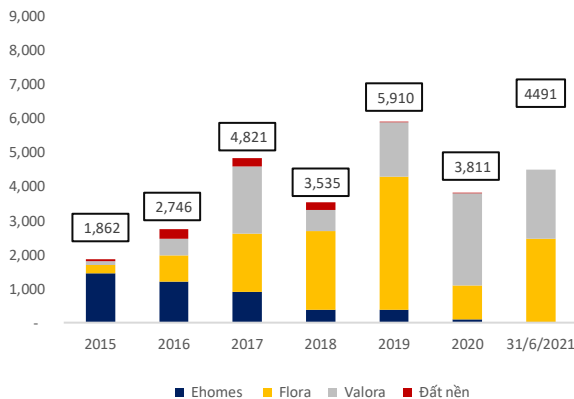
Tổng giá trị mở bán mới (Pre-sales) 6T2021 khả quan, tương đương 110% so với cả năm 2020.

Lũy kế đến 30/6/2021, NLG ghi nhận tổng doanh thu mở bán mới đạt 4,491 tỷ đồng, tương đương 110% tổng giá trị mở bán mới năm 2020, với hơn 1,070 sản phẩm được mở bán (646 sản phẩm Flora Mizuki, 90 sản phẩm Flora Akari và 334 sản phẩm Valora SouthGate).

Làn sóng thứ 4 dịch Covid-19 ảnh hưởng ít nhiều đến kế hoạch mở bán các dự án. Trong nửa cuối năm 2021, NLG sẽ tiếp tục triển khai bán hàng ở các dự án hiện hữu Mizuki Park, Akari City, Southgate và triển khai giới thiệu ba dự án mới bao gồm (i) Izumi City (Đồng Nai), (ii) Cần Thơ và Ehome Southgate Long An. Trong tháng 7/2021, NLG đã ra mắt dự án Ehome SouthGate, đây là dự án nhà ở vừa túi tiền với mức giá bình quân khoảng 1 tỷ đồng/ sản phẩm. Nam Long dự kiến sẽ mở bán khoảng 350 căn hộ/1,400 căn hộ trong 2021.

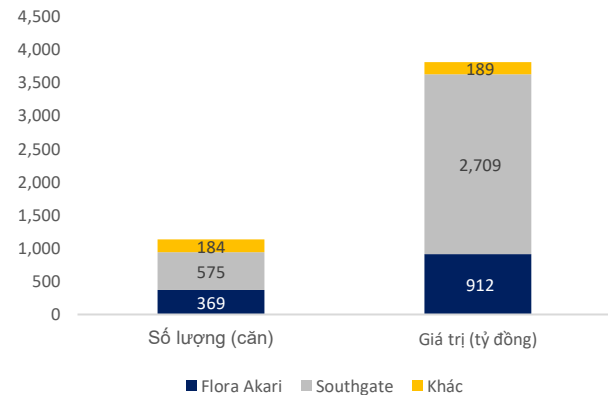
Theo ước tính của BSC, tổng giá trị và số lượng sản phẩm mở mới năm 2021 được điều chỉnh giảm nhẹ ước đạt lần lượt 10.023 tỷ đồng (+176% YoY) và 3,260 sản phẩm (+245% YoY). Giá trị dự phóng mở bán mới của BSC đang thấp hơn 23.8% so với kế hoạch mở bán mới của NLG năm 2021. Tuy nhiên, chúng tôi lưu ý, kế hoạch mở bán ban đầu của NLG đặt ra trong bối cảnh dịch bệnh được kiểm soát và tổng giá trị mở bán mới giai đoạn 2021-2022 vẫn duy trì ở mức cao so với lịch sử.

Lũy kế tổng giá trị mở bán tính đến 31/6/2021, hoàn thành 34.2% tổng kế hoạch mở bán mới.



Nguồn: NLG, BSC Research

Tổng giá trị mở bán mới GD 2021-2022 bằng 1.13 lần tổng giá trị NLG đã mở bán GD 2015-2020.

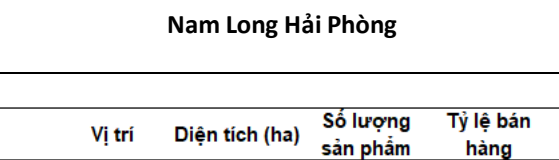


Nguồn: NLG, BSC Research

Kế hoạch phát hành riêng lẻ sẽ sớm hoàn tất trong nửa cuối năm 2021.

Trong cuộc họp đại hội cổ đông (ĐHCD) năm 2021, ĐHCĐ đã phê duyệt phương án tăng vốn thông qua phát hành riêng lẻ. Số lượng cổ phần phát hành thêm dự kiến tối đa là 60 triệu cổ phiếu. Giá phát hành không thấp hơn 30,000 đồng/cổ phiếu và mức chiết khấu 10-15%. Số lượng cổ phiếu phát hành riêng lẻ sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 1 năm kể từ ngày phát hành. Mục đích sử dụng vốn chủ yếu cho mục đích gia tăng thêm quỹ đất, bổ sung vốn lưu động.

Bảng cập nhật tiến độ dự án và kế hoạch mở bán 2021

Dự án	Tiến độ xây dựng
Akara City 	Đã bắt đầu bàn giao từ cuối Q2/2021, tiến độ xây dựng giai đoạn 1 dự án cơ bản đã hoàn thành do đó sẽ không chịu ảnh hưởng từ dịch Covid-19
SouthGate 	- Tiếp tục bàn giao các sản phẩm trong năm 2021 và mở bán các giai đoạn tiếp theo. - Triển khai dự án Ehomes Southgate (1,400 căn hộ) – Đã thi công xong phần móng và hoàn thành nhà mẫu
Mizuki Park 	Đã hoàn thành 646/1,100 căn trong 6T2021, dự kiến sẽ tiếp tục mở bán phần còn lại năm 2021.
Izumi City 	NLG vừa tăng tỷ lệ sở hữu dự án lên mức 65% dự án Water Front. Dự kiến mở bán vào Q4/2021
Nam Long Hải Phòng 	Quy mô dự kiến: 730 căn biệt thự nhà phố và 2,300 căn hộ, dự kiến mở bán từ năm 2022

Nguồn: BSC Research

Tên dự án	Vị trí	Diện tích (ha)	Số lượng sản phẩm	Tỷ lệ bán hàng	2020	2021	2022	2023	2024	2025	2026
Mizuki Park	HCMC	26.4	4,044	35%							
Akari City	HCMC	8.8	5,128	37%							
SouthGate (165 ha)	Long An	165	2,962	45%							
Vssip Hải Phòng	Hải Phòng	170	3,096	N/A							
Cần Thơ	Cần Thơ	43	1,567	N/A							
Paragon Đại Phước	Đồng Nai	21.4	587	N/A							
Spring WaterFront	Đồng Nai	45	3,691	N/A							
WaterPoint P2	Long An	190	6,538	N/A							

Nguồn: BSC Research

Dự phóng lợi nhuận 2021.

Dựa trên quan điểm thận trọng, BSC điều chỉnh giảm nhẹ dự báo kết quả kinh doanh của NLG năm 2021 do điều chỉnh việc hạch toán một phần lợi nhuận dự án Cần Thơ sang năm 2022. Theo đó, doanh thu và lợi nhuận ghi nhận mức giảm lần lượt -16% và -9.7% so với dự báo trước đó. BSC cũng lưu ý, trong trường hợp dự án Cần Thơ 42ha bán hàng tốt và kịp ghi nhận kết quả kinh doanh như kế hoạch trước đó, NLG sẽ có thể ghi nhận ở mức lợi nhuận cao hơn.

Nguồn lợi nhuận 2021 chủ yếu đến từ (1) dự án Waterpoint – GĐ1, (2) Dự án Akari City và (3) Lợi nhuận đến từ việc tái định giá dự án Izumi City sau khi nâng tỷ lệ sở hữu. BSC dự báo doanh thu và lợi nhuận năm 2021 của NLG lần lượt ước đạt 5,409 tỷ đồng (+139.3% YoY) và lợi nhuận sau thuế công ty mẹ đạt 1,088 tỷ đồng (+30% YoY). EPS FW 2021 = 3,623 đồng. PE FW 2021 = 12.1 lần.

Đơn vị: Tỷ đồng	2017A	2018A	2019E	2020E	2021F	2022F
Doanh thu	3,165	3,480	2,549	2,260	5,409	6,377
% YoY	0%	0%	0%	0%	0%	0%
Giá vốn hàng bán	1,866	1,976	1,480	1,546	3,508	4,410
Lợi nhuận gộp	1,295	1,503	1,066	671	1,798	1,844
Chi phí bán hàng	219	252	119	68	108	128
Chi phí QLDN	195	239	306	367	371	438
EBIT	881.3	1,012.9	641.6	236.3	1,318.2	1,279.3
Doanh thu tài chính	94.8	129.0	120.1	726.7	176.6	170.1
Chi phí tài chính	29.3	37.0	44.4	102.5	137.2	136.2
Lãi/Lỗ từ công ty liên kết	(3)	14	126	142	50	572
LN trước thuế	950	1,128	1,226	1,015	1,853	1,907
Thuế TNDN	194	241	219	165	264	240
Lợi nhuận sau thuế	756	887	1,007	850	1,589	1,667
Lợi ích cổ đông thiểu số	221	124	47	15	501	214
Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	535	763	960	835	1,088	1,453
% YoY	55%	43%	26%	-13%	30%	34%
EPS cơ bản (đồng)	3,403	3,193	3,697	2,927	3,814	5,094
Biên LNG	41%	43%	42%	30%	34%	29%
Biên LN ròng	17%	22%	38%	37%	20%	23%
ROE	19%	17%	19%	15%	17%	18%

Nguồn: BSC Research

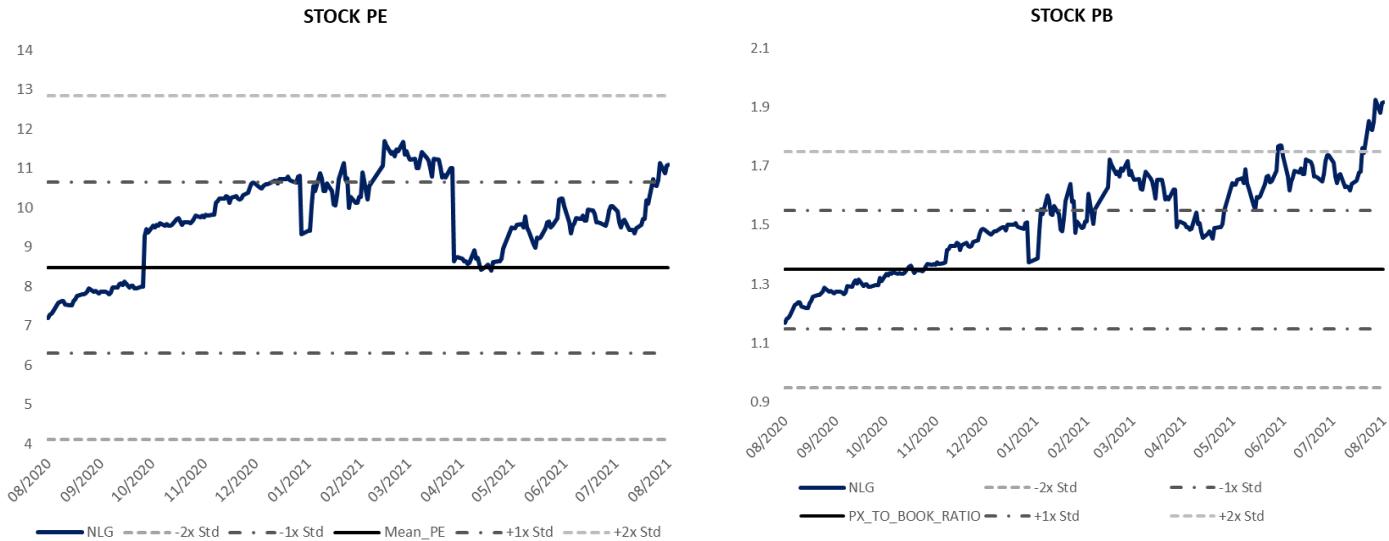
ĐỊNH GIÁ

So với báo cáo khuyến nghị MUA gần nhất ngày 21/05/2021 ([Link](#)), giá cổ phiếu Nam Long đã ghi nhận mức tăng ấn tượng và tiệm cận mức giá mục tiêu của chúng tôi.

Chúng tôi đưa ra khuyến nghị **KHẢ QUAN** cổ phiếu NLG và nâng giá mục tiêu lên mức 46.400 đồng/cp (+5.9% so với mức giá đóng cửa ngày 04/07/2021 và cao hơn 4.0% so với giá mục tiêu cũ) dựa trên phương pháp RNAV do thay đổi một số giả định sau:

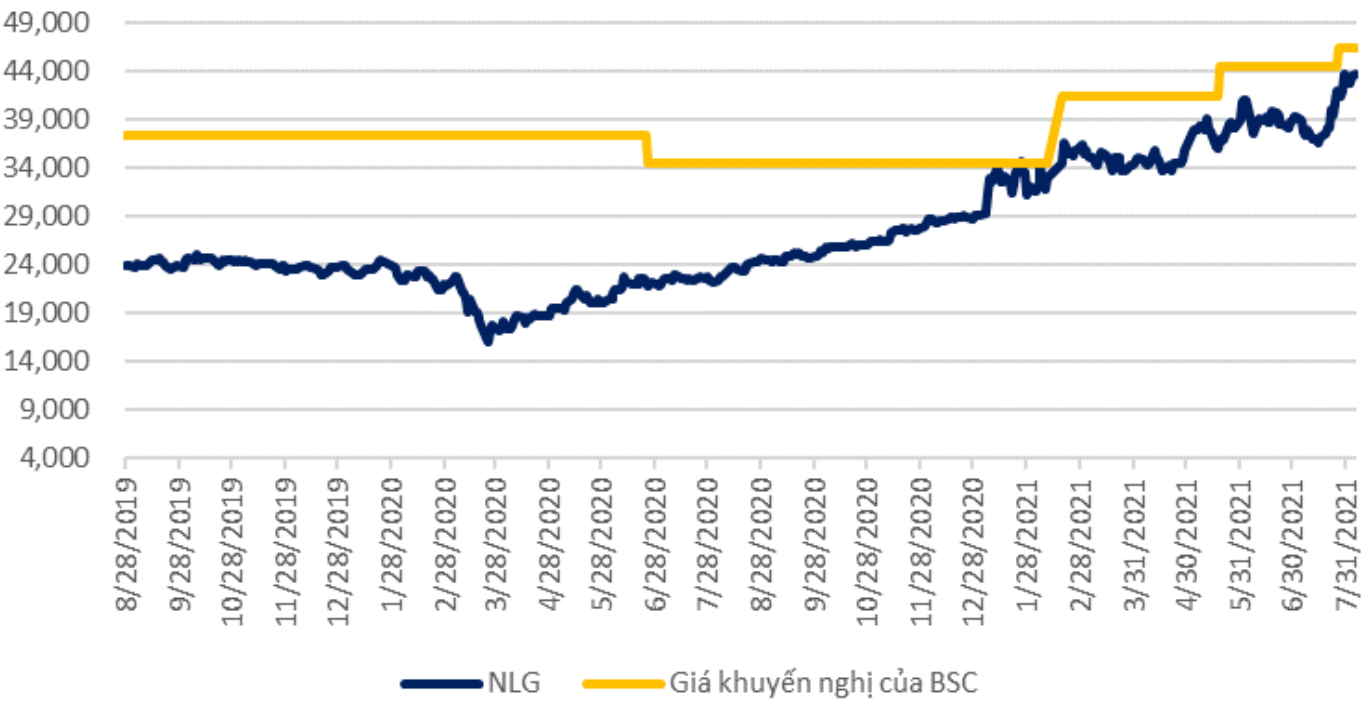
- Điều chỉnh kế hoạch bán hàng cũng như giá bán một số dự án.
- Giảm mức chiết khấu WACC dự án từ mức 11.5% về mức 11.0% do yếu tố mặt bằng lãi suất sẽ tiếp tục duy trì mức thấp.

Định giá				
bVND	Phương pháp	Tổng giá trị NAV	Tỷ lệ sở hữu	>NLG
Các dự án				14,424
Paragon Đại Phước	DCF	1,780	100%	1,780
Vssip Hải Phòng	DCF	1,176	50%	588
Mizuki Park	DCF	3,719	50%	1,860
Waterpoint GD 1	DCF	3,836	50%	1,918
Waterpoint Phase 2	DCF	2,180	100%	2,180
Akari City	DCF	3,258	50%	1,629
Cần Thơ	DCF	1,483	100%	1,483
Izumi City	DCF	3,712	70%	2,598
Dự án khác	BV	388	100%	388
(+) Tiền mặt		1,354		1,354
(-) Nợ		2,547		2,547
Tổng giá trị NAV				13,230
Tỷ lệ chiết khấu rủi ro				13,230
Số lượng cổ phiếu lưu hành				285,270,660
Giá trị hợp lý				46,400
Giá cổ phiếu	8/5/2021			43,800
Tiềm năng tăng giá				5.89%



BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU SO VỚI KHUYẾN NGHỊ

BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU SO VỚI KHUYẾN NGHỊ BSC



PHỤ LỤC

KQKD(Tỷ đồng)	2019	2020	2021F	2022F
Doanh thu thuần	2,546	2,217	5,306	6,255
Giá vốn hàng bán	1,480	1,546	3,508	4,410
Lợi nhuận gộp	1,066	671	1,798	1,844
Chi phí bán hàng	(119)	(68)	(108)	(128)
Chi phí QLDN	(306)	(367)	(371)	(438)
Lãi/lỗ HĐKD	642	236	1,318	1,279
Doanh thu tài chính	120	727	177	170
Chi phí tài chính	(44)	(103)	(137)	(136)
Chi phí lãi vay	(40)	(55)	(67)	(66)
Lợi nhuận từ CTLD/LK	126	142	50	572
Lãi/lỗ khác	383	13	17	21
Lợi nhuận trước thuế	1,226	1,015	1,853	1,907
Thuế thu nhập DN	(219)	(165)	(264)	(240)
LN sau thuế	1,007	850	1,589	1,667
CĐTS	47	15	501	214
LNST - CĐTS	960	835	1,088	1,453
EBITDA	657	259	1,352	1,304
EPS	3,697	2,927	3,814	5,094

CĐKT (Tỷ đồng)	2019	2020	2021F	2022F
Tiền và tương đương tiền	1,894	1,096	907	1,172
Đầu tư ngắn hạn	46	46	46	46
Phải thu ngắn hạn	1,500	1,969	2,223	2,621
Tồn kho	4,205	6,028	6,500	8,000
TS ngắn hạn khác	109	161	378	445
TS ngắn hạn	7,782	9,300	10,054	12,284
TS hữu hình	71	77	147	245
Khấu hao	16	23	34	25
TS dở dang dài hạn	287	47	47	47
ĐT dài hạn	191	198	198	198
TS dài hạn khác	288	320	765	902
TS dài hạn	3,006	4,160	4,676	4,910
Tổng TS	10,788	13,460	14,730	17,194
Nợ phải trả	-	-	-	-
Vay ngắn hạn	63	932	1,126	1,116
Nợ ngắn hạn khác	2,661	3,121	3,508	4,410
Tổng Nợ ngắn hạn	2,899	4,386	4,934	5,971
Vay dài hạn	806	1,525	1,421	1,395
Nợ dài hạn khác	883	829	829	829
Tổng Nợ dài hạn	1,689	2,354	2,250	2,224
Tổng Nợ	4,588	6,740	7,184	8,195
Vốn góp	2,597	2,853	2,853	2,853
Thặng dư vốn cổ phần	989	989	989	989
LN chưa phân phối	1,839	2,133	2,959	4,411
Vốn chủ khác	(370)	(371)	(371)	(369)
Cổ đông thiểu số	1,145	1,117	1,117	1,117
Tổng Vốn chủ sở hữu	5,054	5,603	6,429	7,883
Tổng nguồn vốn	9,574	10,788	13,460	14,731
Số lượng cổ phiếu lưu hành	260	285	285	285

LCTT (Tỷ đồng)	2019	2020	2021F	2022F
(Lỗ)/LNST	960	835	1,088	1,453
Khấu hao và phân bổ	16	23	34	25
Thay đổi vốn lưu động	(175)	(1,811)	(1,035)	(1,054)
Điều chỉnh khác	(252)	(111)	-	-
LCTT từ HĐ KD	547	(1,067)	87	424
Tiền chi mua TSCĐ	(302)	(43)	(104)	(123)
Đầu tư khác	(231)	(935)	-	-
LCTT từ HĐ Đầu tư	(631)	(1,016)	(104)	(123)
Tiền chi trả cổ tức	(244)	(262)	(262)	-
Tiền từ vay ròng	(138)	1,561	90	(36)
Tiền thu khác	276	(21)	-	-
LCTT từ HĐ Tài chính	(106)	1,278	(171)	(36)
Dòng tiền đầu kỳ	2,084	1,900	1,096	907
Tiền trong kì	(190)	(804)	(188)	265
Dòng tiền cuối kỳ	1,900	1,096	907	1,172

Chỉ số(%)	2019	2020	2021F	2022F
Khả năng thanh toán				
Hsố TT ngắn hạn	0.4	0.4	0.4	0.4
Hsố TT nhanh	2.7	2.1	2.0	2.1

Cơ cấu vốn				
Hsố Nợ/TTS	8%	18%	17%	15%
Hsố Nợ/VCSH	17%	44%	40%	32%

Năng lực hoạt động				
Số ngày HTK	239	286	144	141
Số ngày phải thu	921	1208	652	600
Số ngày phải trả	35	28	29	23
CCC	1124	1465	767	718

Tỉ suất lợi nhuận				
Lợi nhuận gộp	41.9%	30.3%	33.9%	29.5%
Lợi nhuận LNST	37.7%	36.9%	20.1%	22.8%
ROE	19.0%	14.9%	16.9%	18.4%
ROA	8.9%	6.2%	7.4%	8.5%

Định Giá				
PE	11.8	15.0	12.1	9.1
PB	2.3	2.2	1.9	1.6

Tăng trưởng				
Tăng trưởng DTT	-26.8%	-12.9%	139.3%	17.9%
Tăng trưởng EBIT	-36.7%	-63.2%	457.9%	-3.0%
Tăng trưởng LNTT	8.7%	-17.2%	82.6%	2.9%
Tăng trưởng EPS	15.8%	-20.8%	30.3%	33.6%

Nguồn: BSC Research.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về doanh nghiệp. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10&11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84439352722
Fax: +84422200669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh
Tel: +84838218885
Fax: +84838218510

<https://www.bsc.com.vn>
<https://www.facebook.com/BIDVSecurities>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

